

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI

Số:

--	--	--	--	--	--	--	--

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A): Địa chỉ : Mã số thuế: Tài khoản số: Mở tại : Số điện thoại: Số Fax: Người đại diện: : Chức vụ:	Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CTY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT Địa chỉ: Mã số thuế: Số điện thoại: Số Fax: Tài khoản (VNĐ): Mở tại Người đại diện: Chức vụ
---	--

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Tiền mặt

Bên B xây dựng dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP cho Bên A chi tiết như sau:

Địa chỉ lắp đặt và nhận báo giáy báo cước:

T T	Dịch vụ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	VAT
1	Điện thoại				
2	Hosted PBX				
3	DID/Local access				

Công ty:
 Địa chỉ lắp đặt:
 Địa chỉ Email nhận báo cước:

· Căn cứ Bộ luật Dân sự Nước CHXHCN Việt Nam số 33/2005/QH11 thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006
 · Căn cứ luật Thương mại số 36/2005/QH11 Nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
 · Căn cứ vào Giấy phép 545/GP-BTTTT về việc cung cấp dịch vụ Điện thoại cố định và các dịch vụ viễn thông khác sử dụng giao thức IP;
 · Căn cứ vào Quyết định số của Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT ban hành ngày
 sau khi Bên A đã đọc kỹ Điều Khoản Chung của Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ điện thoại, các trích dẫn văn bản của Nhà nước có liên quan, Bên A và Bên B
 hòa thuận:

- Cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng, Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Bên A kí vào Biên bản bàn giao quyền sử dụng dịch vụ của Bên B, hoặc nhận chuyển quyền sử dụng từ một thuê bao sẵn có. Các phiếu yêu cầu, biên bản nghiệm thu, bàn giao hoặc bản phụ lục bổ sung sau này (nếu có) sẽ là một bộ phận không thể tách rời trong Hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

....., ngày tháng năm 20...

Đại diện bên A

Đại diện bên B

ĐIỀU KHOẢN CHUNG HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI

Điều 1: Giá cước và Phương thức thanh toán

- 1.1. Thông báo cước: chậm nhất đến ngày 10 (mười) mỗi tháng, Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo cước điện thoại sử dụng trong tháng trước tới địa chỉ phần thông tin của Bên A. Nếu đến ngày 20 (hai mươi) hàng tháng mà Bên A vẫn chưa nhận được thông báo cước của tháng trước thì Bên A có thể liên hệ tổng đài để yêu cầu:
Tại Hà Nội: (84-4) 7300 2222
Tại Hồ Chí Minh: (84-8) 7300 2222
- 1.2. Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản cước phát sinh trong tháng cho Bên B trước ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Nếu Bên A không thanh toán đầy đủ và đúng hạn, Bên B có quyền tạm ngưng cung cấp dịch vụ mà không cần thông báo trước cho Bên A. Trong thời gian tạm ngưng Bên A vẫn phải thanh toán cước phí của các tháng trước đó.
- 1.3. Giá cước dịch vụ do hai bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của Nhà nước về giá cước Dịch vụ. Trường hợp có thay đổi về giá cước trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được hai Bên thỏa thuận. Sau khi đạt được thỏa thuận, Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày áp dụng.
- 1.4. Bên A có trách nhiệm thanh toán cước phí đầy đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí thanh toán phát sinh để đảm bảo rằng Bên B luôn nhận đủ số tiền cước phí ghi trên hoá đơn. Trong trường hợp không thanh toán đúng hạn, ngoài việc phải thanh toán toàn bộ khoản nợ hiện tại cho Bên B, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B số tiền phạt bằng 0.1% giá trị khoản nợ hiện tại cho mỗi ngày chậm thanh toán

Điều 2: Quyền và trách nhiệm của Bên A

- 2.1. Quyền của bên A:
 - 2.1.1. Được đảm bảo sử dụng các dịch vụ tại **Điều 1** theo đúng tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và/hoặc do Bên B công bố.
 - 2.1.2. Được giải thích, hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
 - 2.1.3. Được chấm dứt hoặc tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đang sử dụng khi có yêu cầu bằng văn bản và có sự chấp nhận của Bên B.
 - 2.1.4. Được thay đổi địa chỉ sử dụng hoặc đổi số thuê bao đang sử dụng trong khả năng thực hiện của Bên B khi cần thiết.
 - 2.1.5. Được ủy quyền hoặc chuyển quyền sử dụng dịch vụ cho người khác.
 - 2.1.6. Được quyền khiếu nại về giá cước hoặc chất lượng dịch vụ hay các vi phạm khác của Bên B theo quy định của pháp luật về Viễn thông
 - 2.1.7. Được thông báo, giải thích kịp thời về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc bị gián đoạn các thông tin trong các trường hợp bất khả kháng bằng các hình thức phù hợp.
 - 2.1.8. Được hoàn trả các khoản tiền ký quỹ, đặt cọc còn lại (nếu có) khi chấm dứt Hợp đồng.
- 2.2. Trách nhiệm của Bên A:
 - 2.2.1. Thực hiện đúng các quy định về pháp luật, hướng dẫn của Bên B cùng các thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng này trong quá trình sử dụng dịch vụ và thiết bị.
 - 2.2.2. Không sử dụng đường truyền điện thoại cố định trên nền tảng IP và các dịch vụ đã được Bên B cung cấp để kinh doanh dưới mọi hình thức.
 - 2.2.3. Không được tự ý thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị và số điện thoại sử dụng dịch vụ khi chưa có văn bản chấp thuận của Bên B.
 - 2.2.4. Thanh toán hóa đơn tính cước phát sinh hàng tháng của dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP đầy đủ và đúng hạn. Nếu làm hư hỏng hoặc mất thiết bị đầu cuối Bên A thuê của Bên B thì thanh toán ngay cho Bên B khoản bồi thường tương ứng với giá trị thiệt hại đã gây ra.
 - 2.2.5. Không sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên B đưa ra.
 - 2.2.6. Thực hiện đúng các quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B khi có yêu cầu: Tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối
 - 2.2.7. Cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết vẫn phải thanh toán cước phí và thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp đồng trừ trường hợp Bên A khiếu nại do Bên B không thực hiện đúng Hợp đồng

2.2.8. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ còn lại cho Bên B khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi có vi phạm mà Bên B phải đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2.2.9. Chịu trách nhiệm bảo mật tên truy cập và mật khẩu của tài khoản người dùng để tra cứu cước trực tuyến do Bên B cung cấp

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của Bên B:

3.1. Quyền của Bên B:

3.1.1. Được yêu cầu Bên A thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận ở **Điều 2**.

3.1.2. Có quyền đơn phương tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trong trường hợp:

- Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cước hoặc bồi thường (nếu có) cho Bên B như đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Bên A tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, qui cách sử dụng khi đã được Bên B thông báo.
- Bên A kinh doanh lại đường dây điện thoại và/hoặc các dịch vụ cho Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.
- Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng dịch vụ mà không thực hiện đúng qui định, thủ tục cần thiết theo Hợp đồng.
- Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.1.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 ngày làm việc kể từ ngày Bên B buộc phải áp dụng việc tạm ngưng dịch vụ đối với Bên A theo các **điểm a, b, c, d tại điều 3.1.2** mà bên A vẫn không thực hiện các biện pháp như Bên B yêu cầu để sử dụng lại.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

3.2.1. Hoàn thành việc xây dựng dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP cho Bên A theo Kế hoạch triển khai trong Hợp đồng

3.2.2. Hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp

3.2.3. Hướng dẫn cho Bên A các qui trình thủ tục để bên A thực hiện các quyền: Tạm ngưng, chấm dứt hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.

3.2.4. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của bên A liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo quy định pháp luật về Viễn thông

3.2.5. Thông báo, giải thích kịp thời cho Bên A biết mọi sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc gián đoạn thông tin vì lí do bất khả kháng bằng hình thức thích hợp.

3.2.6. Hoàn trả các khoản ký quỹ, đặt cọc (nếu có) còn lại cho Bên A khi chấm dứt hợp đồng.

3.2.7. Cung cấp cho Bên A hoá đơn tài chính để bên A thanh toán đầy đủ các khoản mục theo đúng nội dung của Hợp đồng.

3.2.8. Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật do lỗi của Nhà cung cấp dịch vụ, đội ngũ kỹ thuật sẽ có mặt tại trụ sở của khách hàng trong vòng 02 giờ (nếu khách hàng ở nội thành) hoặc 04 giờ (nếu khách hàng ở ngoại thành) để hỗ trợ khách hàng xử lý sự cố.

Điều 4: Giải quyết tranh chấp:

4.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo pháp luật Việt Nam

4.2. Nếu có tranh chấp xảy ra, cả hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp vẫn không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo qui định của pháp luật.

Điều 5: Chấm dứt Hợp đồng:

5.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau,

5.1.1. Bên A không còn nhu cầu sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng cho người khác: Trách nhiệm được xác định rõ trong biên bản chấm dứt Hợp đồng.

5.1.2. Do bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận tại **Điều 3.1.2** Hợp đồng này: bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và bồi thường (nếu có) cho bên B.

5.1.3. Các trường hợp khác do Pháp luật qui định: Trách nhiệm của mỗi bên được áp dụng theo các qui định của pháp luật hiện hành.

5.2. Thời hạn chấm dứt Hợp đồng được xác định:

5.2.1. Trong biên bản chấm dứt Hợp đồng đối với các trường hợp qui định tại **Điều 5.1.1.** của Hợp đồng này.

5.2.2. Trong thông báo do bên B lập gửi bên A đối với các trường hợp qui định tại **Điều 5.1.2.** của Hợp đồng này.

5.3. Theo qui định phù hợp của pháp luật hiện hành đối với các trường hợp khác.